



Trung tâm WTO và Hội nhập
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – EU

Tóm tắt Nghị định thư 1 – Quy tắc Xuất xứ

Nghị định thư 1 EVFTA thực chất là “*Nghị định thư về Quy định hàng hóa có xuất xứ và phương thức hợp tác quản lý hành chính*” (sau đây gọi là Nghị định thư), với 38 Điều và 08 Phụ lục, gồm các cam kết về vấn đề quy tắc xuất xứ hàng hóa của EVFTA, là điều kiện cơ bản để hàng hóa có thể được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA.

Nghị định này gồm 02 phần nội dung chính:

- Phần Lời văn: bao gồm các nguyên tắc chung về QTXX và thủ tục chứng nhận xuất xứ, và
- 08 Phụ lục: bao gồm các cam kết chi tiết hoặc hướng dẫn cụ thể một số nội dung liên quan ở phần Lời văn (mẫu Chứng nhận xuất xứ, các giải thích bổ sung...). Trong đó có Phụ lục II – Danh mục công đoạn gia công và chế biến – đây chính là *Danh mục về QTXX riêng cho từng nhóm hàng hóa* (còn gọi là Danh mục PSR – Product Specific Rules)

Sau đây là tóm tắt một số cam kết chính:

1. Cam kết về công nhận hàng hóa “có xuất xứ” EVFTA

Theo EVFTA, hàng hóa được coi là có xuất xứ EVFTA khi thuộc một trong hai trường hợp sau:

Trường hợp 1: Hàng hóa có xuất xứ thuần túy

Trường hợp này bao gồm các hàng hóa được hình thành một cách tự nhiên trong lãnh thổ Việt Nam hoặc EU (ví dụ khoáng sản, động vật thực vật được hình thành tự nhiên và sản phẩm của các loại động thực vật này...).

Điều 4 Nghị định thư 1 của EVFTA quy định cụ thể về các trường hợp được coi là hàng hóa có xuất xứ thuần túy (khoáng sản khai thác trên lãnh thổ Việt Nam/EU, cây trái rau quả mọc/được trồng và hái lượm/thu hoạch trên lãnh thổ Việt Nam/EU, động vật sinh ra và lớn lên tại Việt Nam/EU, sản phẩm được đánh bắt, vớt bởi tàu mang quốc tịch Việt Nam/EU tại các vùng biển bên ngoài...).

Trường hợp 2: Hàng hóa trải qua giai đoạn gia công hoặc chế biến đầy đủ

Trường hợp này bao gồm các hàng hóa được hình thành từ nguyên liệu có xuất xứ một phần hoặc toàn bộ từ EU/Việt Nam và được gia công hoặc chế biến tại Việt Nam/EU thỏa mãn các tiêu chí cụ thể quy định trong Phụ lục II của Nghị định thư 1 EVFTA.

Có 3 loại tiêu chí xuất xứ cơ bản trong EVFTA cho trường hợp này, cụ thể:

- *Tiêu chí Chuyển đổi mã số hàng hóa (HS)*: Đây là tiêu chí yêu cầu mã HS của thành phẩm phải khác mã HS của nguyên liệu không có xuất xứ ở cấp 2 số (chuyển đổi Chương), 4 số (chuyển đổi Nhóm), hoặc 6 số (Chuyển đổi Phân nhóm).

Trong EVFTA chỉ có 01 trường hợp chuyển đổi Chương (HS 7306 - Các loại ống, ống dẫn và thanh hình rồng khác, bằng sắt hoặc thép), còn lại là Chuyển đổi Nhóm hoặc Phân nhóm.

Chú ý trong EVFTA có một số trường hợp có quy định tiêu chí Chuyển đổi HS nhưng không yêu cầu Nhóm/Phân nhóm của sản phẩm phải khác Nhóm/Phân nhóm của nguyên liệu không có xuất xứ.

- *Tiêu chí Tỷ lệ tối đa không xuất xứ (VL)*: Tiêu chí này giới hạn tỷ lệ tối đa nguyên vật liệu không có xuất xứ trong quá trình sản xuất, gia công. Hay nói cách khác hàm lượng nguyên liệu có xuất xứ (RVC) phải đáp ứng một tỷ lệ tối thiểu nhất định.

Tương tự như các FTA khác, EVFTA cho phép cộng gộp nguyên liệu từ EU và Việt Nam trong sản phẩm (nguyên liệu từ EU cho sản phẩm sản xuất tại Việt Nam tự động được coi là “có xuất xứ” EVFTA và ngược lại). Đồng thời, khác với các FTA khác, EVFTA còn cho phép cộng gộp mở rộng nguyên liệu từ Hàn Quốc và ASEAN với một số sản phẩm.

Ngoài ra cần lưu ý là khác với nhiều FTA khác, cách tính VL trong EVFTA sử dụng *giá xuất xưởng* của sản phẩm thay vì giá giao dịch như trong CPTPP hay giá FOB như thường gặp ở các FTA khác.

- *Tiêu chí Quy trình sản xuất cụ thể*: Tiêu chí này đòi hỏi nguyên liệu không có xuất xứ phải trải qua một quá trình gia công hoặc chế biến cụ thể tại nước xuất xứ; hoặc sản phẩm phải được gia công, chế biến từ nguyên vật liệu có xuất xứ thuần túy nhất định.

QTXX của từng loại hàng hóa theo EVFTA có thể là một trong các tiêu chí trên hoặc kết hợp một số tiêu chí trên, được quy định cụ thể cho từng Nhóm hàng hóa tại *Phụ lục II – Danh mục Công đoạn Gia công hoặc Chế biến của Nghị định thư về QTXX đối với từng nhóm sản phẩm cụ thể* của Nghị định thư 1 EVFTA.

2. Cam kết về Cộng gộp xuất xứ

Thông thường các FTA chỉ cho phép cộng gộp các nguyên liệu có xuất xứ trong nội khối FTA đó (tức từ các nước thành viên của FTA đó chứ không được từ nước thứ ba không phải là thành viên). Tuy nhiên, EVFTA mở rộng cho phép cộng gộp thêm nguyên liệu có xuất xứ từ một (số) nước thứ ba nhưng chỉ giới hạn ở các trường hợp sau:

- *Cộng gộp xuất xứ với Hàn Quốc đối với hàng dệt may:* Vải có xuất xứ Hàn Quốc (nước đã có FTA với EU) sẽ được coi như có xuất xứ Việt Nam khi xác định xuất xứ cho các sản phẩm may mặc (Chương 61, 62) của Việt Nam xuất khẩu sang EU.

Ngoài ra, trong tương lai nếu có thêm các nước thứ ba đồng thời có FTA với cả EU và Việt Nam thì Việt Nam có thể đề nghị Ủy ban Hải quan của EVFTA *xem xét* cho cộng gộp vải có xuất xứ từ nước thứ ba này (hiện tại đã có thêm Canada và Nhật Bản cùng có FTA với EU và Việt Nam).

- *Cộng gộp xuất xứ với ASEAN đối với mực và bạch tuộc:* Các nguyên liệu mực và bạch tuộc (thuộc các mã HS 030741 và HS 030751) có xuất xứ từ một nước thành viên ASEAN đã có FTA với EU (hiện tại ngoài Việt Nam chỉ có Singapore đã có FTA với EU) sẽ được coi như có xuất xứ Việt Nam khi xác định xuất xứ cho các sản phẩm mực và bạch tuộc đã chế biến hoặc bảo quản (thuộc các mã HS 160554 và HS 160555) của Việt Nam xuất khẩu sang EU.

Tuy nhiên, để có thể thực hiện việc cộng gộp như trên thì nguyên liệu và sản phẩm được cộng gộp phải đáp ứng thêm một số điều kiện cụ thể được nêu trong Điều 3 của Nghị định thư 1 EVFTA, như:

- Hàn Quốc/Nước ASEAN đã có FTA với EU phải hợp tác hành chính và thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo cho phép việc cộng gộp này, sau đó thông báo với EU về việc đã hoàn thành các biện pháp này.
- Đối với trường hợp cộng gộp xuất xứ ASEAN thì mức thuế ưu đãi mà EU đang áp dụng đối với mực và bạch tuộc của của Việt Nam phải cao hơn mức thuế áp dụng đối với nước ASEAN đó.

3. Cam kết về hạn mức linh hoạt đối với nguyên liệu không đáp ứng tiêu chí xuất xứ

Thông thường trong các FTA, đối với tiêu chí chuyển đổi HS thường cho phép một tỷ lệ không đáng kể (De Minimis) nguyên vật liệu không đáp ứng tiêu chí chuyển đổi HS nhưng thành phẩm vẫn được coi là có xuất xứ.

Tuy nhiên, EVFTA không có quy định tỷ lệ De Minimis mà có quy định về hạn mức linh hoạt đối với các nguyên liệu không đáp ứng tiêu chí xuất xứ. Quy định này về bản chất giống De Minimis là *cho phép nguyên liệu không có xuất xứ vẫn được phép sử dụng*

nếu tổng trị giá hoặc trọng lượng của nguyên liệu không vượt quá một tỷ lệ nhất định.

Tuy nhiên, quy định về hạn mức linh hoạt trong EVFTA không áp dụng riêng cho trường hợp tiêu chí chuyển đổi HS như quy định De Minimis thông thường trong các FTA khác. Nguyên tắc áp dụng hạn mức linh hoạt trong EVFTA cụ thể như sau:

- Nguyên tắc này chỉ áp dụng đối với các *nguyên liệu* dùng để sản xuất ra sản phẩm mà có quy tắc xuất xứ yêu cầu *nguyên liệu* đó phải có xuất xứ thuần túy.
- Nguyên tắc này không áp dụng đối với các trường hợp: i) QTXX của sản phẩm đã quy định cụ thể về hạn mức tối đa (trị giá hoặc trọng lượng) của nguyên liệu không có xuất xứ; ii) QTXX của *sản phẩm* là xuất xứ thuần túy.
- Hạn mức linh hoạt được áp dụng như sau:
 - + *Đối với các sản phẩm thuộc Chương 2, Chương 4 đến 24* (trừ thủy sản chế biến thuộc Chương 16): 10% giá xuất xưởng hoặc trọng lượng sản phẩm.
 - + *Đối với các sản phẩm may mặc thuộc Chương 50 đến 63*: tùy từng sản phẩm và với các điều kiện áp dụng cụ thể mà có thể được áp dụng mức tỷ lệ linh hoạt khác nhau (theo Chú giải 6 và 7 của Nghị định thư 1 của EVFTA).
 - + *Đối với các sản phẩm thuộc các Chương khác*: 10% giá xuất xưởng của sản phẩm.

4. Cam kết về Thủ tục chứng nhận xuất xứ

EVFTA quy định 02 loại thủ tục chứng nhận xuất xứ khác nhau, bao gồm:

- **Thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất xứ**: Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp Giấy chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa dựa trên các giấy tờ mà nhà xuất khẩu hàng hóa xuất trình.
- **Thủ tục tự chứng nhận xuất xứ**: Nhà xuất khẩu tự phát hành chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa của mình.

Mô hình tự chứng nhận xuất xứ trong EVFTA dựa trên thông lệ cho phép nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ mà EU hiện đang áp dụng. Cụ thể, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của nhà xuất khẩu của EVFTA cho phép nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ trên hóa đơn, phiếu giao hàng hay bất kỳ chứng từ thương mại nào (thay vì phải xin giấy chứng nhận xuất xứ riêng từ các cơ quan chức năng như hiện nay).

EVFTA có các cam kết cụ thể về thủ tục chứng nhận xuất xứ đối với các nhóm hàng hóa theo giá trị lô hàng. Thủ tục chứng nhận xuất xứ cụ thể trên thực tế của mỗi Bên (bao gồm cả thủ tục cấp chứng nhận xuất xứ hoặc tự chứng nhận xuất xứ) sẽ do Bên đó tự quy định, phù hợp với cam kết trong Hiệp định. Cụ thể:

(i) Đối với hàng hóa xuất khẩu từ EU

EU chỉ áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa xuất khẩu từ EU muốn hưởng ưu đãi EVFTA. Cụ thể, đối với hàng hóa xuất khẩu từ EU, chỉ có nhà xuất khẩu đã đăng ký theo quy định của EU theo hệ thống REX thì mới được tự chứng nhận xuất xứ.

Hệ thống REX là hệ thống chứng nhận xuất xứ (Registered Exporter) của EU, được sử dụng để nhà xuất khẩu EU đăng ký, qua đó có thể tự chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa theo một số FTA của EU (trong đó có EVFTA). Mỗi nhà xuất khẩu đăng ký và được Hệ thống này xác nhận sẽ được cấp một mã số riêng (gọi là mã số REX). Doanh nghiệp sẽ sử dụng thống nhất mã số REX này khi tự chứng nhận xuất xứ cho các lô hàng của mình.

(ii) Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam

Việt Nam áp dụng cả cơ chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ và tự chứng nhận xuất xứ, cụ thể:

- Với lô hàng có trị giá không vượt quá 6.000 euro, bất kỳ nhà xuất khẩu nào của Việt Nam cũng có thể tự chứng nhận xuất xứ;
- Với lô hàng có trị giá trên 6.000 euro, Việt Nam bảo lưu vẫn tiếp tục áp dụng cơ chế chứng nhận xuất xứ truyền thống (cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ cho nhà xuất khẩu sau khi xác nhận các giấy tờ chứng minh mà nhà xuất khẩu xuất trình - đối với EVFTA Giấy chứng nhận xuất xứ là Mẫu EUR.1), Việt Nam có thể lựa chọn áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ khi nào thấy thích hợp và sẽ thông báo cho phía EU trước khi thực hiện cơ chế này.

Như vậy, đối với các lô hàng có giá trị không vượt quá 6.000 euro xuất khẩu đi EU theo diện hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA, bất kỳ nhà xuất khẩu nào của Việt Nam cũng đều có thể tự chứng nhận xuất xứ. Còn đối với các lô hàng có giá trị trên 6.000 euro thì hiện tại Việt Nam vẫn áp dụng cơ chế cấp chứng nhận xuất xứ, theo đó nhà xuất khẩu phải xin giấy chứng nhận xuất xứ (mẫu EUR.1) tại cơ quan có thẩm quyền (Bộ Công Thương và các đơn vị do Bộ Công Thương ủy quyền).

Trong tương lai, khi Việt Nam áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa trong EVFTA, Việt Nam có thể tự quy định về các điều kiện để xác định, cấp phép, và quản lý các nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ. Do đó, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của Việt Nam sau này theo EVFTA có thể sẽ khác với cơ chế tự chứng nhận xuất xứ theo Hệ thống REX mà EU đang thực hiện.

5. Cam kết về Cơ chế chứng nhận xuất xứ cho hàng xuất khẩu Việt Nam sang EU

Theo EVFTA, Việt Nam có thể lựa chọn áp dụng cơ chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hoặc cơ chế tự chứng nhận xuất xứ khi thấy thích hợp. Trong đó, cơ chế tự chứng nhận

xuất xứ là cơ chế mới với Việt Nam. EVFTA có quy định nhưng không đặt ra thời điểm cụ thể nào để Việt Nam phải áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ.

Theo EVFTA và quy định của EU, trong khoảng thời gian 2 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực (01/08/2020), doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sang EU vẫn có thể lựa chọn áp dụng thuế ưu đãi theo EVFTA hoặc thuế ưu đãi theo GSP với điều kiện áp dụng ưu đãi loại nào thì phải tuân thủ QTXX của loại đó và theo thủ tục chứng nhận xuất xứ tương ứng. Cụ thể:

- Nếu muốn hàng xuất khẩu hưởng thuế suất ưu đãi EVFTA thì nhà xuất khẩu Việt Nam phải xin C/O mẫu EUR.1 tại các đơn vị của Bộ Công Thương;
- Nếu muốn hàng xuất khẩu hưởng thuế ưu đãi GSP thì nhà xuất khẩu Việt Nam phải chứng nhận xuất xứ theo cơ chế của GSP mà hiện tại đang chuyển sang hình thức tự chứng nhận xuất xứ bằng cách đăng ký mã số REX (muộn nhất là đến ngày 31/12/2020 toàn bộ doanh nghiệp xuất đi EU theo GSP phải hoàn thành đăng ký mã số này).

6. Cam kết về Giấy chứng nhận xuất xứ EVFTA

• Mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ EVFTA

Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) EVFTA có mẫu EUR.1, theo quy định trong EVFTA, mẫu này áp dụng chung cho cả hàng hóa xuất khẩu từ EU và Việt Nam. Tuy nhiên, do EU không áp dụng cơ chế cấp chứng nhận xuất xứ bởi cơ quan có thẩm quyền, mà áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ bởi nhà xuất khẩu có đăng ký (hệ thống REX), mẫu EUR.1 trên thực tế chỉ áp dụng đối với hàng xuất khẩu từ Việt Nam đi EU.

Mẫu EUR.1 được quy định tại Phụ lục VII, Nghị định thư 1 EVFTA. Thông tin khai báo trên mẫu EUR.1 được cho là đơn giản hơn so với mẫu C/O trong các FTA mà Việt Nam đã ký kết:

- Một số thông tin nhà xuất khẩu được phép lựa chọn khai báo hoặc không khai báo trên C/O mẫu EUR.1 (ví dụ nhà nhập khẩu, hành trình lô hàng, số hóa đơn thương mại...).
- Một số thông tin không bắt buộc thể hiện trên mẫu EUR.1 (như tiêu chí xuất xứ, mã số HS của hàng hóa...). Đây là một điểm khác so với các mẫu C/O theo các FTA khác của Việt Nam (các FTA này đều yêu cầu khai mã HS và tiêu chí xuất xứ của hàng hóa).

Thời hạn hiệu lực của C/O EUR.1 là 12 tháng kể từ ngày phát hành.

- **Thời điểm cấp C/O mẫu EUR.1**

Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang EU, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ cấp C/O mẫu EUR.1 sớm nhất có thể từ ngày xuất khẩu hàng hóa (ngày tàu chạy theo kê khai) và không quá ba ngày làm việc kể từ sau ngày này.

Giấy Chứng nhận xuất xứ hàng hóa có thể được cấp sau khi xuất khẩu nhưng chỉ trong một số trường hợp như quy định cụ thể tại Điều 17 Nghị định thư. Giấy này có thể được cấp lại trong trường hợp bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng.

- **Thời điểm nộp C/O**

EVFTA không có quy định cụ thể về thời điểm nộp C/O EVFTA, mà cho phép từng Bên (Việt Nam/EU) quy định phù hợp theo pháp luật của mình.

7. Cam kết về miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ

EVFTA quy định các hàng hóa sau có thể được miễn chứng từ xuất xứ:

- Kiện hàng hóa nhỏ được gửi từ cá nhân đến cá nhân, hoặc
- Hành lý cá nhân của người đi du lịch, hoặc
- Những lô hàng nhập khẩu không thường xuyên phục vụ cho tiêu dùng cá nhân.

Điều kiện để được miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ đối với các trường hợp nói trên là:

- i) Các hàng hóa đó không dùng cho mục đích thương mại, và
- ii) Có tổng giá trị:
 - *Khi nhập khẩu vào EU:* 500 EUR đối với kiện hàng nhỏ hoặc 1200 EUR đối với hàng hóa là một phần hành lý cá nhân của người đi du lịch;
 - *Khi nhập khẩu vào Việt Nam:* 200 USD đối với cả trường hợp kiện hàng nhỏ và hàng hóa là một phần hành lý cá nhân của người đi du lịch.

8. Cam kết về xuất xứ cho Hàng hóa quá cảnh qua nước thứ ba ngoài Việt Nam và EU

EVFTA chấp nhận cho phép hàng hóa quá cảnh tại nước thứ ba được giữ nguyên xuất xứ EVFTA với điều kiện là việc chia nhỏ lô hàng vẫn nằm dưới sự giám sát hải quan tại nước chia nhỏ lô hàng.

Với trường hợp này, nếu có nghi ngờ, cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu có thể yêu cầu người kê khai hải quan cung cấp các chứng từ chứng minh hàng hóa tuân thủ điều kiện nói trên, dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm:

- Chứng từ vận tải (vận đơn);
- Chứng từ thực tế hoặc cụ thể về dán nhãn hoặc đánh số kiện hàng;
- Bất kỳ chứng từ nào liên quan đến bản thân hàng hoá;
- Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ do cơ quan hải quan nước quá cảnh/chia nhỏ lô hàng cung cấp hoặc bất kỳ chứng từ nào chứng minh hàng hoá vẫn nằm trong sự kiểm soát của cơ quan hải quan nước quá cảnh/chia nhỏ lô hàng.

9. Cam kết về quyền từ chối ưu đãi thuế quan

Về nguyên tắc, hàng hóa khi nhập khẩu có chứng nhận xuất xứ theo EVFTA thì sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA. Tuy nhiên, nếu trong quá trình phối hợp xác minh xuất xứ giữa cơ quan hải quan Việt Nam và EU mà xác định chứng nhận xuất xứ đó không đáp ứng các yêu cầu về QTXX của EVFTA, Bên nhập khẩu có quyền từ chối ưu đãi thuế quan cho lô hàng liên quan.

Quy trình xác minh được quy định cụ thể trong EVFTA như sau:

- *Thời gian xác minh:* Việc xác minh chứng từ xuất xứ có thể được thực hiện bất cứ khi nào Bên nhập khẩu thấy nghi ngờ về tính xác thực của chứng từ xuất xứ đó. Khi đó, Bên nhập khẩu sẽ yêu cầu Bên xuất khẩu xác minh chứng từ xuất xứ có nghi ngờ (EVFTA có quy định cụ thể về thời hạn lưu trữ hồ sơ phục vụ việc xác minh đối với từng nhóm đối tượng riêng).
- *Đối tượng thực hiện xác minh:* Cơ quan có thẩm quyền của Bên xuất khẩu sẽ tiến hành xác minh (chứ không phải là Bên nhập khẩu). Cơ quan này sẽ căn cứ vào chứng từ và chứng cứ do cơ quan có thẩm quyền Bên nhập khẩu gửi để tiến hành kiểm tra nhà xuất khẩu của Bên mình dựa trên báo cáo kế toán của nhà xuất khẩu đó hoặc bất kỳ hình thức nào khác thích hợp. Kết quả xác minh sau đó phải gửi cho cơ quan có thẩm quyền Bên nhập khẩu.
- *Biện pháp tạm thời:* Trong thời gian đợi kết quả xác minh, Bên nhập khẩu có quyền tạm dừng ưu đãi thuế quan đối với lô hàng liên quan.
- *Tạm dừng ưu đãi:* Nếu trong vòng 10 tháng kể từ ngày Cơ quan có thẩm quyền Bên nhập khẩu gửi yêu cầu xác minh mà không nhận được phản hồi hoặc phản hồi không thỏa đáng từ Cơ quan có thẩm quyền Bên xuất khẩu, Bên nhập khẩu có quyền từ chối cho hưởng ưu đãi đối với lô hàng có chứng nhận xuất xứ không xác thực, và trong một số trường hợp tạm dừng ưu đãi đối với toàn bộ sản phẩm liên quan (tức là tất cả các lô hàng xuất khẩu sản phẩm đó của Việt Nam sang EU sẽ không được hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA nữa).

- *Xử phạt*: EVFTA yêu cầu các Bên phải đặt ra các chế tài xử phạt đối với các hình thức gian lận, làm giả chứng từ xuất xứ nhằm được hưởng ưu đãi thuế quan.

Theo EVFTA, nhà xuất khẩu phải lưu trữ bản sao chứng từ xuất xứ và các hồ sơ liên quan trong vòng ít nhất là 3 năm.

10. Cam kết về quy tắc xuất xứ đối với mặt hàng nông sản và sản phẩm công nghiệp

(i) *Nông sản*

Với phần lớn các sản phẩm nông nghiệp, EVFTA yêu cầu QTXX Thuần túy. Đối với các trường hợp chấp nhận QTXX khác, EVFTA yêu cầu quy tắc QTXX Chuyển đổi mã số hàng hóa, và kèm theo cả yêu cầu về giới hạn tỷ trọng nguyên liệu thô không có xuất xứ (khoảng từ 20 đến 60%).

Bảng - Tóm tắt quy tắc xuất xứ EVFTA đối với một số sản phẩm nông nghiệp

| Sản phẩm | Quy tắc xuất xứ EVFTA |
|---|--|
| Động vật sống | QTXX thuần túy |
| Các sản phẩm thịt như trâu bò, lợn, gia cầm (Chương 2) | Nguyên liệu thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ phải có xuất xứ thuần túy |
| Mật ong (HS 0409) | QTXX thuần túy |
| Rau củ tươi và sơ chế (Chương 7) | Nguyên liệu rau củ sử dụng phải có xuất xứ thuần túy |
| Quả tươi và sơ chế (Chương 8) | Tất cả nguyên liệu thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa phải có xuất xứ thuần túy; và trọng lượng đường không xuất xứ tối đa là 20% |
| Gạo (HS1006) | QTXX thuần túy |
| Chế phẩm từ ngũ cốc, tinh bột (Chương 11) | Nguyên liệu sử dụng từ ngũ cốc, tinh bột, khoai tây, sắn phải có xuất xứ thuần túy |
| Thủy sản (Chương 03, 16) | Thủy sản tươi hoặc sơ chế (Chương 03): QTXX thuần túy Thủy sản chế biến (Chương 16): Nguyên liệu thuộc Chương 2, 3 |

| | |
|--|--|
| | <p>và 16 phải có xuất xứ thuần túy</p> <p>Chú ý: Đối với sản phẩm thủy sản, xuất xứ thuần túy được hiểu là “được sinh ra hoặc nuôi tại Việt Nam”, nghĩa là cho phép nhập khẩu con giống từ bên ngoài Việt Nam,</p> |
|--|--|

(ii) Sản phẩm công nghiệp (trừ dệt may)

Đối với các sản phẩm công nghiệp (trừ dệt may), QTTX phổ biến là:

- Giới hạn tỷ lệ nguyên liệu không xuất xứ: hàm lượng nguyên liệu không có xuất xứ (gọi tắt là VL) được tính dựa trên giá xuất xưởng và tỷ lệ áp dụng phổ biến là 70% giá xuất xưởng (theo tính toán thì mức này gần tương đương với hàm lượng giá trị khu vực 40% tính trên giá FOB trong nhiều FTA mà Việt Nam đang tham gia) – tất nhiên cũng có các trường hợp quy định tỷ lệ khác (thấp hơn 70%);
- Chuyển đổi mã số hàng hóa (CTH);
- Công đoạn gia công, sản xuất cụ thể.

Bảng – Tóm tắt quy tắc xuất xứ EVFTA đối với một số sản phẩm công nghiệp

| Sản phẩm | Quy tắc xuất xứ EVFTA |
|---|---|
| Nhựa (HS 39) | CTH, tuy nhiên nguyên liệu cùng nhóm có thể được sử dụng nếu tổng giá trị không vượt quá 20%; hoặc VL 50% |
| Cao su (HS 40 trừ 4012) | CTH hoặc VL 70% |
| Giày dép (HS 64) | Giày dép phải sản xuất từ bộ phận có xuất xứ. Đối với các bộ phận giày dép thì áp dụng tiêu chí CTH |
| Sắt thép và sản phẩm sắt thép (HS 72, 73) | <p>Phổ biến là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán thành phẩm được phép sản xuất từ nguyên liệu thô không xuất xứ - Sản phẩm sắt thép được phép sản xuất từ bán thành phẩm không xuất xứ, ngoại trừ một số sản phẩm là mặt hàng ưu tiên của hai bên |
| Máy móc thiết bị (HS 84) và dây dẫn điện, thiết bị điện tử (HS 85) | <ul style="list-style-type: none"> - Phổ biến là quy tắc CTH hoặc VL 70% - Đối với một số dòng hàng EU có chính sách bảo hộ mà Việt Nam không xuất khẩu hoặc cũng bảo hộ: quy tắc VL 50% (quy tắc chặt hơn mức phổ |

| | |
|--|--|
| | biến 70%) - Đối với một số mặt hàng mà Việt Nam cần nhập khẩu linh kiện, bộ phận không xuất xứ để sản xuất: quy tắc chuyển đổi phân nhóm (CTSH) (quy tắc lỏng hơn quy tắc phổ biến CTH) |
| Phương tiện vận tải (HS 87) | - Ô tô và linh kiện ô tô: áp dụng tiêu chí VL 45% - Xe máy và linh kiện xe máy: áp dụng tiêu chí CTH hoặc VL 50% |
| Gỗ và sản phẩm gỗ (HS 44 và 94) | - Phổ biến là quy tắc CTH hoặc VL 70% - Một số mặt hàng gỗ nguyên liệu: Quy tắc công đoạn gia công cụ thể |

(iii) Sản phẩm dệt may

Nguyên tắc đàm phán QTXX đối với sản phẩm dệt may trong EVFTA là nguyên tắc “hai công đoạn”, hay còn gọi là “từ vải trở đi”. Nguyên tắc này được hiểu đơn giản là yêu cầu các sản phẩm dệt may muốn được hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA thì các công đoạn từ vải đến cắt và may phải có xuất xứ/được thực hiện tại Việt Nam/EU.

Dựa trên nguyên tắc này, QTXX của từng sản phẩm dệt may được xây dựng với các tiêu chí cụ thể khác nhau. Do đó, doanh nghiệp sẽ không tìm thấy thuật ngữ “từ vải trở đi” nào trong bảng QTXX của các sản phẩm dệt may, mà nguyên tắc này được cụ thể hóa thành từng tiêu chí xuất xứ cho từng sản phẩm.

Hơn nữa, nguyên tắc “từ vải trở đi” cũng không áp dụng tuyệt đối, tức là không phải tất cả các sản phẩm dệt may đều phải đáp ứng nguyên tắc này. Cụ thể, một số sản phẩm dệt may chỉ yêu cầu QTXX một công đoạn (tức là chỉ cần cắt và may còn các nguyên liệu có thể nhập khẩu hoàn toàn), một số sản phẩm không yêu cầu vải phải dệt ở Việt Nam mà có thể nhập khẩu vải mộc (từ bất kỳ nguồn nào) sau đó giặt, tẩy trắng, làm bóng, nhuộm... rồi cắt và may thành phẩm tại Việt Nam....

Ngoài ra, QTXX đối với các sản phẩm dệt may trong EVFTA còn có một số linh hoạt sau:

- *Tỷ lệ linh hoạt đối với các nguyên liệu cơ bản không có xuất xứ:* Một số sản phẩm dệt may được làm từ nhiều nguyên liệu cơ bản khác nhau mà có một (số) nguyên liệu cơ bản không có xuất xứ nhưng chiếm tỷ lệ không quá 10% tổng trọng lượng của tất cả các nguyên liệu cơ bản được sử dụng thì vẫn được coi là có xuất xứ EVFTA (tỷ lệ này là 20% đối với trường hợp sản phẩm có chứa sợi làm từ polyurethane, và 30% đối với sản phẩm có chứa lõi làm từ lá nhôm hoặc màng

nhựa). Các nguyên liệu cơ bản được liệt kê trong Chú giải 6, Phụ lục 1, Nghị định thư 1 của EVFTA.

- *Tỷ lệ linh hoạt khác đối với một số sản phẩm dệt may nhất định*: Một số sản phẩm dệt may có nguyên liệu không đáp ứng được tiêu chí xuất xứ EVFTA nhưng có phân loại Nhóm HS khác Nhóm của sản phẩm và có giá trị không quá 8% giá xuất xưởng của sản phẩm thì sản phẩm dệt may đó vẫn được coi là có xuất xứ EVFTA.
- *Nguyên liệu không cần xét xuất xứ*: Các nguyên liệu không phải là hàng dệt may (không thuộc các Chương từ 50-63) chẳng hạn như cúc áo, khóa, séc... có thể được sử dụng mà không cần xét đến xuất xứ với điều kiện quy tắc xuất xứ của sản phẩm dệt may đó không phải là quy tắc VL (giới hạn tỷ lệ nguyên liệu không xuất xứ).
- *Cộng gộp vải từ Hàn Quốc*: Vải có xuất xứ Hàn Quốc sẽ được coi là nguyên liệu có xuất xứ để cộng gộp khi tính toán hàm lượng nguyên liệu có xuất xứ cho các sản phẩm may mặc (Chương 61, 62) của Việt Nam xuất khẩu sang EU. Ngoài ra, như đã nêu, trong tương lai nếu có thêm các nước thứ ba đồng thời có FTA với cả EU và Việt Nam thì Việt Nam có thể đề nghị Ủy ban Hải quan của EVFTA xem xét cho cộng gộp vải có xuất xứ từ nước thứ ba này (xem thêm Câu 2).

Nguồn: Trích từ "Cẩm nang Tóm lược EVFTA" của Trung tâm WTO và Hội nhập - VCCI